TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST Ngày 30-7-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Mai Văn Việt - thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1984;

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985;

Đều trú tại: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Anh D có mặt, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Phạm Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 19/11/2004 trên cơ sở tự nguyện. Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại nhà riêng của anh ở thôn L, xã H, huyện T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Đến năm 2016, vợ chồng mới phát sinh những mâu thuẫn lớn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị H không quan tâm đến gia đình,

không cùng anh chăm lo gia đình, chị H đi làm công ty có lương nhưng không đưa tiền cho anh mà giữ làm vốn riêng, một mình anh phải chi phí các khoản sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên đánh, cãi nhau; có lần anh chị đánh nhau, chị H đã báo công an xã đến xử phạt hành chính đối với anh. Đầu năm 2019, anh đã gửi đơn ly hôn chị H đến Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, sau đó, được sự động viên của Tòa án và họ hàng, anh đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về, mâu thuẫn giữa anh và chị H vẫn diễn ra căng thẳng nên từ đầu tháng 5/2019, chị H đã dọn ra khỏi nhà, thuê chỗ khác ở. Anh thấy không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về quan hệ con chung: Anh và chị H có ba con chung là Phạm Văn D, sinh ngày 01/6/2005, Phạm Việt A, sinh ngày 27/8/2010 và Phạm Thị Ngọc D, sinh ngày 12/5/2014. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi hai con là Phạm Văn D và Phạm Việt A, để cho chị H nuôi con là Phạm Thị Ngọc D, anh và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay anh làm nghề thợ xây, thu nhập bình quân hàng tháng là 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày về thời gian kết hôn giống như anh D trình bày. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không chung thủy với chị, có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, chị có khuyên nhủ thì anh D nổi cáu và đánh chị, đập điện thoại của chị; anh D còn bắt chị phải đưa tiền cho anh D chi tiêu, chị không làm theo nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vì anh D đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã dọn đi ở chỗ khác từ ngày 17/5/2019 đến nay. Chị cũng xác định không còn tình cảm với anh D nên nhất trí ly hôn nhưng chị không đến Tòa án để giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có ba con chung như anh D trình bày. Sau khi ly hôn, quan điểm của chị muốn được nuôi con là Phạm Thị Ngọc D, còn để anh D nuôi hai con là Phạm Văn D và Phạm Việt A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Cháu Phạm Văn D và Phạm Việt A (đều trên 7 tuổi) có lời khai thể hiện nguyện vọng muốn được ở với bố là anh Phạm Văn D.

Đại diện Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở địa phương bày tỏ quan điểm cả anh D và chị H đều có công việc ổn định, đủ điều kiện nuôi con nên đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con của anh D và chị H theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án, đồng thời tống đạt hợp lệ thông báo cùng giấy triệu tập cho các đương sự nhưng chị H không đến làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà, anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị H và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị H xác định không còn tình cảm với anh D nên nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi con là Phạm Thị Ngọc D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn D và chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời hạn giải quyết vụ án, anh D, chị H không tự thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ đưa vụ án ra xét xử. Anh D đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chị H cơ bản thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng trình tự luật định. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị H; về con chung: Giao cho anh D nuôi hai con là Phạm Văn D và Phạm Việt A; giao cho chị H nuôi một con là Phạm Thị Ngọc D đến khi các con đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; anh D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn D và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn tại UBND xã H vào ngày 19/11/2004 nên đây là hôn nhân hợp

pháp. Cả anh D và chị H đều khẳng định vợ chồng có mâu thuẫn, theo anh D thì nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H không quan tâm đến gia đình, không đóng góp kinh tế cùng anh để nuôi con và xây dựng, kiến thiết, còn theo chị H nguyên nhân là do anh D có quan hệ ngoại tình và có hành vi đánh chửi chị. Mặc dù anh chị không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đã chứng tỏ anh D và chị H bất đồng quan điểm sống, không có sự tin tưởng và tôn trọng nhau. Anh chị đều khẳng định không còn tình cảm với nhau, anh D xin ly hôn, chị H nhất trí ly hôn nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn. Hội đồng xét xử thấy thực tế hôn nhân của anh D và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D, xử cho anh D được ly hôn chị H.

[3] Về quan hệ con chung: Anh D đề nghị được nuôi hai con là Phạm Văn D và Phạm Việt A, để chị H nuôi một con là Phạm Thị Ngọc D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, chị H cũng thống nhất quan điểm này với anh D . Điều này phù hợp với nguyện vọng của các con, phù hợp với quan điểm của đại diện cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở địa phương, phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Do đó, căn cứ quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao hai con là Phạm Văn D và Phạm Việt A cho anh D nuôi dưỡng, giao con là Phạm Thị Ngọc D cho chị H nuôi dưỡng từ tháng 7 năm 2019 đến khi các con đủ 18 tuổi.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Cả anh D và chị H đều không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh D là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn D, xử cho anh Phạm Văn D ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Phạm Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là Phạm Văn D, sinh ngày 01/6/2005 và Phạm Việt A, sinh ngày 27/8/2010; giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là Phạm Thị Ngọc D, sinh ngày 12/5/2014 từ tháng 7/2019 đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh D và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005151 ngày 12/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đoàn Thị Hương Nhu